

Bản án số: 03/2017/LĐ-ST

Ngày: 17-7-2017.

V/v: “Tranh chấp tranh chấp về đơn  
phương chấm dứt hợp đồng lao động  
và về tiền lương, bảo hiểm xã hội”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Xuân Hưng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Phạm Thị Hiền

2. Bà Phan Thị Hải

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thu Hiền – Thư ký Tòa án.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Lý – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 tháng 7 năm 2017 và 17 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành xét xử công khai vụ án Lao động thụ lý số 42/2017/TLST- LĐ ngày 03 tháng 4 năm 2017 về việc “*Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tiền lương, bảo hiểm xã hội*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2017/QĐXXST-LĐ ngày 06/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2017/QĐST – LĐ ngày 22/6/2017 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:*

- Ông Trần Đình H, sinh năm 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Ông Trần Văn H, sinh năm: 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: Số B, tổ C, ấp D, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Ông Nguyễn Đình M, sinh năm: 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ N, ấp Thị V, xã M, huyện Tân T, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;

- Ông Ngô Thanh T, sinh năm: 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ C, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;

- Ông Đỗ Ngọc M, sinh năm: 1968 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ X, ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;

- Ông Trịnh Đình T, sinh năm: 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: Số O, đường P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Ông Triệu Hữu Đ, sinh năm: 1959 (Có mặt).

Địa chỉ: Số M đường L, phường K, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Ông Đinh Văn H, sinh năm: 1969 (Có mặt).

Địa chỉ: Tô I, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;  
- Bà Nguyễn Hồng Phương L, sinh năm: 1982 (Có mặt).  
Địa chỉ: Số U, đường L, phường J, thành phố V, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;  
- Ông Bùi Văn T, sinh năm: 1989 (Có mặt).  
Địa chỉ: Thôn F, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;  
- Ông Ngô Văn T, sinh năm: 1963 (Có mặt).  
Địa chỉ: Tô S, ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.  
- Ông Nguyễn Mỹ B, sinh năm 1976 (Có mặt).  
Địa chỉ: Tô Q, ấp W, xã H, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.  
- Ông Trương Văn T, sinh năm 1981 (Có mặt).  
Địa chỉ: Số Z, đường số Y, thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.  
- Ông Lê Ngọc V, sinh năm 1985 (Có mặt).  
Địa chỉ: Thôn S, xã L, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.  
- Ông Lê Văn M, sinh năm 1985 (Có mặt).  
Địa chỉ: Tô R, ấp B, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.  
- Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1982 (Có mặt).  
Địa chỉ: Tô J, ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.  
- Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1966 (Có mặt).  
Địa chỉ: Tô S, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.  
- Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1977 (Có mặt).  
Địa chỉ: Tô K, ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.  
- Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1977 (Có mặt).  
Địa chỉ: Tô G, khu phố T, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.  
*Bị đơn:* Công ty cổ phần thép Q  
Địa chỉ: Khu công nghiệp B, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.  
Người đại diện hợp pháp: Ông Dasagi V – Chức vụ: Tổng giám đốc  
(Vắng mặt).  
*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội tỉnh B  
Địa chỉ: Số K, đường Đ, phường Y, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.  
Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Duy H – Chức vụ: Giám đốc bảo  
hiểm xã hội tỉnh B.  
Ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Nguyễn Hồng H, sinh năm 1977 –  
Chức vụ: Trưởng phòng khai thác và thu hồi nợ (Có mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và tại Tòa án các đồng nguyên đơn trình bày như sau:*

- Ông Trần Đình H làm việc tại Công ty cổ phần thép Q (gọi tắt là Công ty) vào tháng 6/2010, từ năm 2010 đến năm 2012 mỗi năm ông H ký kết 01 hợp đồng lao động có xác định thời hạn với Công ty. Đến ngày 24/6/2012 giữa ông H và Công ty ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hàng năm có phụ lục hợp đồng điều chỉnh mức lương. Vị trí công việc là tổ trưởng tổ hàn với mức lương cơ bản là 7.500.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo.

Ông H xác định hiện nay Công ty còn nợ lương tháng 9/2016 là 14.652.100 đồng và lương tháng 10/2016 là 9.621.800 đồng, tổng cộng là 24.273.900 đồng. Nay ông H yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán tiền lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 với tổng số tiền là 24.273.900 đồng.

- Ông Trần Văn H làm việc tại Công ty cổ phần thép Q vào tháng 8/2010, từ năm 2010 đến năm 2012 mỗi năm ông H ký kết 01 hợp đồng lao động có xác định thời hạn với Công ty. Đến ngày 8/8/2012 giữa ông H và Công ty ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn, có phụ lục hợp đồng điều chỉnh mức lương. Vị trí công việc là thợ lắp với mức lương cơ bản là 6.000.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo.

Ông H xác định hiện nay Công ty còn nợ ông lương tháng 9/2016 là 7.422.300 đồng và lương tháng 10/2016 là 7.057.300 đồng, tổng cộng là 14.479.600 đồng. Nay ông H yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán tiền lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 với tổng số tiền là 14.479.600 đồng.

- Ông Nguyễn Đình M làm việc tại Công ty cổ phần thép Q vào tháng 11/2014, từ năm 2014 đến năm 2016, mỗi năm ông Minh ký kết 01 hợp đồng lao động có xác định thời hạn với Công ty, thời hạn cuối của hợp đồng là ngày 31/12/2016, có phụ lục hợp đồng điều chỉnh mức lương. Vị trí công việc là thợ phụ với mức lương cơ bản là 3.600.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo.

Ông M xác định hiện nay Công ty cổ phần thép Q còn nợ lương ông tháng 9/2016 là 5.225.200 đồng và lương tháng 10/2016 là 5.739.700 đồng, tổng cộng là 10.964.900 đồng. Nay ông M yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán tiền lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 với tổng số tiền là 10.964.900 đồng.

- Ông Ngô Thanh T làm việc tại Công ty cổ phần thép Q vào tháng 8/2009, hợp đồng lao động không xác định thời hạn và có phụ lục hợp đồng điều chỉnh mức lương. Vị trí công việc là tổ trưởng bộ phận cắt với mức lương cơ bản là 7.200.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo.

Ông T xác định hiện nay Công ty còn nợ ông lương tháng 9 và tháng 10/2016 với tổng số tiền là 17.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 với tổng số tiền là 17.000.000 đồng.

- Ông Đỗ Ngọc M làm việc tại Công ty cổ phần thép Quatron vào tháng 7/2010, từ năm 2010 đến năm 2012 mỗi năm ông ký 01 hợp đồng lao động có xác định thời hạn với Công ty, ngày 25/02/2013 giữa ông và Công ty ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn, có phụ lục hợp đồng điều chỉnh mức lương. Vị trí công việc là thợ vận hành máy với mức lương cơ bản là 4.200.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo.

Ông M xác định hiện nay Công ty còn nợ ông lương tháng 9 và tháng 10/2016 với tổng số tiền là 11.000.000 đồng. Nay ông M yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 với tổng số tiền là 11.000.000 đồng.

- Ông Trịnh Đình T làm việc tại Công ty cổ phần thép Q vào năm 2015, từ năm 2015 đến năm 2016 mỗi năm ông ký 01 hợp đồng lao động có xác định thời

hạn với Công ty, ngày kết thúc hợp đồng là 30/4/2017. Vị trí công việc là thợ hàn với mức lương cơ bản là 4.900.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo.

Ông T xác định hiện nay Công ty còn nợ ông lương tháng 9/2016 là 7.583.200 đồng, lương tháng 10/2016 là 5.748.400 đồng tổng cộng là 13.331.600 đồng. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 với tổng số tiền là 13.331.600 đồng.

- Ông Triệu Hữu Đ làm việc tại Công ty cổ phần thép Q vào tháng 7/2010, từ năm 2010 đến năm 2012 mỗi năm ông ký 01 hợp đồng lao động có xác định thời hạn với Công ty, sau đó ký kết phụ lục hợp đồng gia hạn hợp đồng không xác định thời hạn, mức lương được điều chỉnh theo phụ lục hợp đồng. Vị trí công việc là tài xế với mức lương cơ bản là 6.000.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo.

Ông Đ xác định hiện nay Công ty còn nợ ông lương tháng 9/2016 là 8.951.000 đồng, lương tháng 10/2016 là 9.216.600 đồng, tổng cộng là 18.167.600 đồng. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 với tổng số tiền là 18.167.600 đồng.

- Ông Đinh Văn H làm việc tại Công ty cổ phần thép Q vào tháng 7/2014, từ tháng 7/2014 đến tháng 7/2016 mỗi năm ông ký 01 hợp đồng lao động có xác định thời hạn với Công ty, đến ngày 14/8/2016 giữa ông và Công ty ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Vị trí công việc là thợ vận hành máy với mức lương cơ bản là 4.400.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo.

Ông Hữu xác định hiện nay Công ty còn nợ ông lương tháng 9/2016 là 6.153.100 đồng, lương tháng 10/2016 là 5.504.400 đồng, tổng cộng là 11.657.500 đồng. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 với tổng số tiền là 11.657.500 đồng.

- Bà Nguyễn Hồng Phương L làm việc tại Công ty cổ phần thép Q vào tháng 01/2015, từ năm 2015 đến năm 2016 mỗi năm bà ký 01 hợp đồng lao động có xác định thời hạn với Công ty, ngày kết thúc hợp đồng là 31/12/2016. Vị trí công việc là nhân viên lễ tân với mức lương cơ bản là 6.500.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo.

Bà L xác định hiện nay Công ty còn nợ bà 30% lương tháng 8 là 1.871.250 đồng, lương tháng 9/2016 là 6.207.500 đồng, lương tháng 10/2016 là 6.695.000 đồng, tổng cộng là 14.773.750 đồng. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán 30% lương tháng 8/2016, lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 với tổng số tiền là 14.773.750 đồng.

- Ông Bùi Văn T làm việc tại Công ty cổ phần thép Q vào tháng 4/2013, từ năm 2013 đến năm 2015 mỗi năm ông ký 01 hợp đồng lao động có xác định thời hạn với Công ty, đến ngày 14/4/2015 giữa ông và Công ty ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn, có phụ lục hợp đồng điều chỉnh mức lương. Vị trí công việc là thợ lắp với mức lương cơ bản là 4.500.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo.

Ông T xác định hiện nay Công ty còn nợ ông lương tháng 9/2016 là 6.080.200 đồng, lương tháng 10/2016 là 6.701.900 đồng, tổng cộng là 12.782.100 đồng. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 với tổng số tiền là 12.782.100 đồng.

- Ông Ngô Văn T làm việc tại Công ty cổ phần thép Q vào tháng 9/2013, đến tháng 11/2014 giữa ông và Công ty ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn, có phụ lục hợp đồng điều chỉnh mức lương. Vị trí công việc là nhân viên an toàn với mức lương cơ bản là 4.000.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo.

Ông T xác định hiện nay Công ty còn nợ ông lương tháng 9/2016 là 6.254.600 đồng, lương tháng 10/2016 là 7.038.800 đồng, tổng cộng là 13.293.400 đồng. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 với tổng số tiền là 13.293.400 đồng.

- Ông Nguyễn Mỹ B làm việc tại Công ty cổ phần thép Quatron vào tháng 9/2014, từ năm 2014 đến năm 2016 mỗi năm ông ký 01 hợp lao động có xác định thời hạn với Công ty. Đến ngày 18/9/2016 giữa ông và Công ty ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Vị trí công việc là thợ phụ với mức lương cơ bản là 3.500.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo.

Ông B xác định hiện nay Công ty còn nợ ông lương tháng 9 và tháng 10/2016 tổng cộng là 10.500.000 đồng. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 với tổng số tiền là 10.500.000 đồng.

- Ông Trương Văn T làm việc tại Công ty cổ phần thép Q vào tháng 4/2013, từ năm 2014 đến năm 2015 mỗi năm ông ký 01 hợp lao động có xác định thời hạn với Công ty. Đến ngày 05/4/2015 giữa ông và Công ty ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn, có phụ lục hợp đồng điều chỉnh mức lương. Vị trí công việc là thợ lắp với mức lương cơ bản là 4.400.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo.

Ông T xác định hiện nay Công ty còn nợ ông lương tháng 9/2016 là 5.522.200 đồng, lương tháng 10/2016 là 6.083.000 đồng, tổng cộng là 11.605.200 đồng. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 với tổng số tiền là 11.605.200 đồng.

- Ông Lê Ngọc V làm việc tại Công ty cổ phần thép Q vào tháng 8/2010, từ năm 2010 đến năm 2012 mỗi năm ông ký 01 hợp lao động có xác định thời hạn với Công ty. Đến ngày 05/10/2012 giữa ông và Công ty ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn, có phụ lục hợp đồng điều chỉnh mức lương. Vị trí công việc là kỹ sư dự toán với mức lương cơ bản là 16.000.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo.

Ông V xác định hiện nay Công ty còn nợ ông 30% lương tháng 8, lương tháng 9 và 10 ngày làm việc của tháng 10/2016 tổng cộng là 23.525.000 đồng. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán 30% lương tháng 8/2016 là 3.330.900 đồng, lương tháng 9/2016 là 16.000.000 đồng, tháng 10/2016 là 4.194.100 đồng tổng cộng là 23.525.000 đồng.

- Ông Lê Văn M làm việc tại Công ty cổ phần thép Q vào tháng 8/2013, từ năm 2013 đến năm 2015 mỗi năm ông ký 01 hợp lao động có xác định thời hạn với Công ty. Đến ngày 02/3/2015 giữa ông và Công ty ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn, có phụ lục hợp đồng điều chỉnh mức lương. Vị trí công việc là thợ hàn với mức lương cơ bản là 6.160.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo.

Ông M xác định hiện nay Công ty còn nợ ông lương tháng 9/2016 là 5.231.600 đồng, lương tháng 10/2016 là 6.196.800 đồng, tổng cộng là 11.428.400 đồng. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 với tổng số tiền là 11.428.400 đồng.

- Ông Lê Văn Đ làm việc tại Công ty cổ phần thép Q vào tháng 8/2010, từ năm 2010 đến năm 2012 mỗi năm ông ký 01 hợp lao động có xác định thời hạn với Công ty. Đến ngày 27/9/2012 giữa ông và Công ty ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn, có phụ lục hợp đồng điều chỉnh mức lương. Vị trí công việc là thợ lắp với mức lương cơ bản là 5.500.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo.

Ông Đ xác định hiện nay Công ty còn nợ ông lương tháng 9/2016 là 5.973.900 đồng, lương tháng 10/2016 là 6.112.900 đồng, tổng cộng là 12.086.800 đồng. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 với tổng số tiền là 12.086.800 đồng.

- Ông Huỳnh Văn T làm việc tại Công ty cổ phần thép Q vào tháng 11/2012, từ năm 2010 đến năm 2012 mỗi năm ông ký 01 hợp lao động có xác định thời hạn với Công ty. Đến ngày 11/11/2012 giữa ông và Công ty ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn, có phụ lục hợp đồng điều chỉnh mức lương. Vị trí công việc là thợ lắp với mức lương cơ bản là 4.700.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo.

Ông T xác định hiện nay Công ty còn nợ ông lương tháng 9/2016 là 5.782.600 đồng, lương tháng 10/2016 là 5.748.400 đồng, tổng cộng là 11.531.000 đồng. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 với tổng số tiền là 11.531.000 đồng.

- Ông Nguyễn Đình T làm việc tại Công ty cổ phần thép Q vào tháng 10/2009, từ năm 2009 đến năm 2012 mỗi năm ông ký 01 hợp lao động có xác định thời hạn với Công ty. Đến ngày 31/5/2012 giữa ông và Công ty ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn, có phụ lục hợp đồng điều chỉnh mức lương. Vị trí công việc là thợ lắp với mức lương cơ bản là 9.000.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo.

Ông T xác định hiện nay Công ty còn nợ ông lương tháng 9/2016 là 11.176.400 đồng, lương tháng 10/2016 là 11.039.200 đồng, tổng cộng là 22.215.600 đồng. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 với tổng số tiền là 22.215.600 đồng.

- Ông Nguyễn Ngọc T làm việc tại Công ty cổ phần thép Q vào năm 2014, từ năm 2014 đến năm 2016 mỗi năm ông ký 01 hợp lao động có xác định thời hạn với Công ty, hợp đồng kết thúc ngày 14/12/2016. Vị trí công việc là kế toán chi phí với mức lương cơ bản là 20.000.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo.

Ông T xác định hiện nay Công ty còn nợ ông 30% lương tháng 8/2016 là 5.473.500 đồng, lương tháng 9/2016 là 17.454.300 đồng, lương tháng 10/2016 là 15.818.100 đồng, tổng cộng là 38.745.900 đồng. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán 30% lương tháng 8/2016, lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 với tổng số tiền là 38.745.900 đồng.

Nay các ông Trần Đình H, ông Trần Văn H, ông Nguyễn Đình M, ông Ngô Thanh T, ông Đỗ Ngọc M, ông Trịnh Đình T, ông Triệu Hữu Đ, ông Đinh Văn H, bà Nguyễn Hồng Phương L, ông Bùi Văn T, ông Ngô Văn T, ông Nguyễn Mỹ B, ông Trương Văn T, ông Lê Ngọc V, ông Lê Văn M, ông Lê Văn Đ, ông Huỳnh Văn T, ông Nguyễn Đình T và ông Nguyễn Ngọc T khởi kiện Công ty cổ phần thép Q yêu cầu Tòa án buộc Công ty thanh toán tiền lương còn nợ và yêu cầu Công ty đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho các nguyên đơn từ ngày 01/5/2015 đến ngày 31/10/2016, sau đó trả sổ bảo hiểm xã hội theo quy định.

*Đại diện Bảo hiểm xã hội tỉnh B trình bày tại phiên tòa như sau:*

Tính từ ngày 01/5/2015 đến ngày 31/10/2016 Công ty cổ phần thép Q tiếp tục phát sinh nợ quỹ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là 5.753.432.474 đồng; Lãi chậm nộp: 1.516.262.883 đồng. Tổng số nợ Bảo hiểm xã hội của Công ty cổ phần thép Q từ ngày 01/5/2015 đến ngày 31/10/2016 là 7.269.695.357 đồng. Trong đó, tổng số nợ Bảo hiểm xã hội của Công ty cổ phần thép Q đối với các ông Trần Đình H, ông Trần Văn H, ông Nguyễn Đình M, ông Ngô Thanh T, ông Đỗ Ngọc M, ông Trịnh Đình T, ông Triệu Hữu Đ, ông Đinh Văn H, bà Nguyễn Hồng Phương L, ông Bùi Văn T, ông Ngô Văn T, ông Nguyễn Mỹ B, ông Trương Văn T, ông Lê Ngọc V, ông Lê Văn M, ông Lê Văn Đ, ông Huỳnh Văn T, ông Nguyễn Đình T và ông Nguyễn Ngọc T là 655.234.584 đồng, trong đó nợ quỹ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là 518.570.197 đồng và nợ tiền lãi phát sinh do chậm nộp là 136.644.286 đồng.

Bảo hiểm xã hội tỉnh B đã liên tục gửi thông báo, công văn nhắc nợ nhưng Công ty không thực hiện việc trả nợ. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn thì Bảo hiểm xã hội tỉnh B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty cổ phần thép Q đóng số tiền bảo hiểm xã hội còn nợ là 655.234.584 đồng để Bảo hiểm xã hội tỉnh B thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm cho các nguyên đơn trên.

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của các nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Tân Thành đã tiến hành triệu tập họp lệ Công ty cổ phần thép Q để yêu cầu cung cấp chứng cứ, lấy lời khai và công khai chứng cứ, hòa giải nhưng Công ty cổ phần thép Q vẫn cố tình vắng mặt. Theo kết quả xác minh tại Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh B thì Công ty cổ phần thép Q có địa chỉ trụ sở chính tại Khu công nghiệp B, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Giấy chứng nhận đầu tư số 492033000096 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh B cấp lần đầu ngày 10/3/2008, thay đổi lần 3 ngày 07/7/2014. Theo giấy chứng nhận đầu tư, người đại diện hợp pháp của Công ty là ông Dasagi V – chức vụ Tổng giám đốc. Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo thụ lý bổ sung, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ cũng như thông báo các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho Công ty bằng cách niêm yết công khai tại trụ sở Công ty, tại trụ sở UBND xã M và tại trụ sở Tòa án theo đúng quy định của pháp luật nhưng Công ty cổ phần thép Q vẫn không đến Tòa án làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ

cũng như không có yêu cầu phản tố để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành tham gia phiên tòa:*

Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành, vi phạm quy định tại 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu thanh toán tiền lương của các nguyên đơn đối với Công ty cổ phần thép Q cụ thể như sau:

Chấp nhận yêu cầu thanh toán 30% lương tháng 8/2016 đối với bà Nguyễn Hồng Phương L, ông Lê Ngọc V, ông Trần Ngọc T;

Chấp nhận yêu cầu thanh toán lương tháng 9/2016 đối với các ông (bà) Trần Đình H, Trần Văn H, Nguyễn Đình M, Ngô Thanh T, Trịnh Đình T, Triệu Hữu Đ, Đinh Văn H, Nguyễn Hồng Phương L, Bùi Văn T, Ngô Văn T, Nguyễn Mỹ B, Trương Văn T, Lê Ngọc V, Lê Văn M, Lê Văn Đ, Huỳnh Văn T, Nguyễn Đình T và Nguyễn Ngọc T.

Chấp nhận yêu cầu thanh toán lương tháng 10/2016 đối với các ông (bà) Trần Đình H, Trần Văn H, Nguyễn Đình M, Trịnh Đình T, Triệu Hữu Đ, Đinh Văn H, Nguyễn Hồng Phương L, Bùi Văn T, Ngô Văn T, Trương Văn T, Lê Văn M, Lê Văn Đ, Huỳnh Văn T, Nguyễn Đình T và Nguyễn Ngọc T.

Chấp nhận thanh toán lương tháng 10/2016 đối với ông Ngô Thanh T, ông Nguyễn Mỹ B theo mức lương cơ bản ký kết trong hợp đồng lao động.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu về đóng và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho các nguyên đơn từ ngày 01/5/2015 đến ngày 31/10/2016.

Về án phí buộc Công ty cổ phần thép Q phải nộp án phí theo luật định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về tố tụng:** Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần thép Q thanh toán tiền lương còn nợ và đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật, nên tranh chấp giữa các bên được xác định là “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và về tiền lương, bảo hiểm xã hội”. Công ty cổ phần thép Q có trụ sở chính tại Khu công nghiệp B, xã M, huyện Tân T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và tranh chấp giữa các bên đã được hòa giải nhưng không thành nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Công ty cổ phần thép Q đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt Công ty cổ phần thép Q theo quy định của pháp luật.

## **[2] Về nội dung:**

Xét hợp đồng lao động đã ký kết giữa các đồng nguyên đơn và Công ty cổ phần thép Q thấy:

Về hình thức và thẩm quyền giao kết hợp đồng: Các nguyên đơn giao kết hợp đồng lao động với Công ty cổ phần thép Quatron thông qua người đại diện là ông K – Chức vụ Giám đốc nhân sự, hợp đồng được giao kết bằng văn bản, dựa trên sự tự nguyện của các bên nên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 24 Bộ luật lao động.

Công ty cổ phần thép Quatron là người có nghĩa vụ chứng minh việc ông K – Chức vụ Giám đốc nhân sự có thẩm quyền giao kết hợp đồng lao động với người lao động theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, cho đến nay Công ty Q không cung cấp chứng cứ phản bác đến Tòa án nên Hội đồng xét xử xác định ông K – Chức vụ giám đốc nhân sự là người có thẩm quyền giao kết hợp đồng lao động của Công ty thép Q theo quy định tại điểm g, khoản 3, Điều 157 Luật doanh nghiệp.

Căn cứ các Điều 15, 16, 22 và Điều 25 Bộ luật lao động, Điều 1 của các Hợp đồng lao động được ký kết giữa các nguyên đơn và Công ty cổ phần thép Quatron, Hội đồng xét xử xác định việc giao kết hợp đồng lao động giữa các bên có hiệu lực pháp luật.

Về nội dung hợp đồng và quá trình thực hiện hợp đồng: Theo nội dung hợp đồng lao động đã ký kết giữa các bên thể hiện thời gian làm việc từ thứ 2 đến thứ 7 (không tính chủ nhật), tháng làm việc được tính từ ngày 21 tháng này đến ngày 20 tháng sau, việc trả lương theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản cá nhân thông qua hệ thống ngân hàng và lương được trả vào ngày 05 mỗi tháng, ngoài mức lương cơ bản thì các khoản thưởng và phụ cấp khác sẽ được tính toán dựa theo ngày công thực tế và tình hình công việc cụ thể hàng tháng được giao.

Quá trình thực hiện hợp đồng của các ông (bà) Trần Đình H, ông Trần Văn H, ông Nguyễn Đình M, ông Ngô Thanh T, ông Đỗ Ngọc M, ông Trịnh Đình T, ông Triệu Hữu Đ, ông Đinh Văn H, bà Nguyễn Hồng Phương L, ông Bùi Văn T, ông Ngô Văn T, ông Nguyễn Mỹ B, ông Trương Văn T, ông Lê Ngọc V, ông Lê Văn M, ông Lê Văn Đ, ông Huỳnh Văn T, ông Nguyễn Đình T và ông Nguyễn Ngọc T đã thực hiện đầy đủ nội dung và yêu cầu công việc theo hợp đồng lao động đã ký kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng của Công ty thép Q thì thấy: Từ khi ký các hợp đồng lao động với 19 nguyên đơn cho đến tháng 8 năm 2016 thì Công ty cũng đã thực hiện đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Theo trình bày của các nguyên đơn trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty thép Q đến khoảng giữa năm 2016, Công ty thép Q lâm vào tình trạng khó khăn trong hoạt động kinh doanh nên chậm trả lương cho người lao động. Từ tháng 8/2016 đến tháng 10/2016 Công ty thép Q vẫn duy trì hoạt động sản xuất nhưng nợ lương người lao động. Cụ thể: Đối với công nhân sản xuất tại nhà máy thì Công ty nợ 100% lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016, đối với nhân viên văn phòng Công ty nợ 30% lương tháng 8, 100% lương tháng 9 và tháng 10/2016. Ngày 12/11/2016, Công ty thép Q bị cắt điện do nợ tiền điện.

Đến ngày 14/11/2016, Công ty thép Q chính thức ngừng hoạt động nên người lao động không đi làm.

Đối chiếu với các chứng cứ nguyên đơn cung cấp và chứng cứ Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án thì có cơ sở xác định: Công ty thép Q nợ tiền điện nên Điện lực Tân Thành đã có thông báo ngừng cung cấp điện vào ngày 12/11/2016, khi ngừng cung cấp điện thì người lao động không có đủ điều kiện làm việc nên từ ngày 14/11/2016 toàn bộ người lao động của Công ty đã nghỉ việc. Như vậy, có căn cứ để xác định Công ty thép Q đã chính thức ngừng hoạt động từ ngày 14/11/2016. Việc ngừng hoạt động của Công ty không được Ban giám đốc Công ty thông báo đến người lao động và các cơ quan chức năng có thẩm quyền, cho nên Công ty đã vi phạm nghĩa vụ thông báo cho người lao động được biết về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Bộ luật lao động.

Tại các bản sao kê tài khoản cá nhân tại Ngân hàng của các nguyên đơn cung cấp và đối chiếu với các chứng từ kế toán mà Tòa án thu thập tại phòng kế toán của Công ty cũng như biên bản lấy lời khai của bà Bùi Thị T là nhân viên kế toán của Công ty thì xác định được: Công ty thép Q hiện nay vẫn chưa thanh toán 30% lương tháng 8/2016 đối với nhân viên văn phòng và 100% lương tháng 9/2016, tháng 10/2016 đối với công nhân sản xuất.

Như vậy phía Công ty thép Q đã vi phạm nghĩa vụ “bảo đảm việc làm, thanh toán đầy đủ, đúng hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng, cụ thể lương của người lao động được chuyển vào tài khoản cá nhân vào ngày 5 mỗi tháng”, được quy định tại Điều 3, Điều 4 các hợp đồng lao động, Điều 96 Bộ luật lao động, Điều 24 Nghị định 05/2015/NĐ - CP ngày 12 tháng 01 năm 2015. Do đó lỗi dẫn đến việc chấm dứt hợp đồng lao động giữa các nguyên đơn và Công ty là hoàn toàn thuộc về Công ty thép Q.

Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để tuyên bố chấm dứt các hợp đồng lao động đã ký kết giữa các ông (bà) Trần Đình H, ông Trần Văn H, ông Nguyễn Đình M, ông Ngô Thanh T, ông Đỗ Ngọc M, ông Trịnh Đình T, ông Triệu Hữu Đ, ông Đinh Văn H, bà Nguyễn Hồng Phương L, ông Bùi Văn T, ông Ngô Văn T, ông Nguyễn Mỹ B, ông Trương Văn T, ông Lê Ngọc V, ông Lê Văn M, ông Lê Văn Đ, ông Huỳnh Văn T, ông Nguyễn Đình T và ông Nguyễn Ngọc T với Công ty cổ phần thép Quatron kể từ ngày 31/10/2016.

Đối với yêu cầu về thanh toán tiền lương của các nguyên đơn thì thấy:

Xét yêu cầu thanh toán 30% lương tháng 8/2016 của các ông (bà) Lê Ngọc V, Nguyễn Hồng Phương L và Nguyễn Ngọc T: Tại các bản sao kê tài khoản cá nhân của Ngân hàng do các ông, bà cung cấp và đối chiếu với bản chính Bảng chuyển lương ngân hàng cho nhân viên Việt Nam tháng 8/2016 của Công ty thép Q do ông K – Chức vụ giám đốc nhân sự ký tên xác nhận thì có cơ sở để khẳng định ông V, bà L và ông T đến nay vẫn chưa nhận được 30% lương tháng 8/2016 cụ thể Công ty nợ 30% lương tháng 8/2016 của ông Lê Ngọc V là 3.330.900 đồng, bà Nguyễn Hồng Phương L là 1.871.250 đồng và ông Nguyễn Ngọc T là 5.473.500 đồng.

Xét yêu cầu thanh toán lương tháng 9, tháng 10 của các ông (bà) Trần Đình H, Trần Văn H, Nguyễn Đình M, Ngô Thanh T, Đỗ Ngọc M, Trịnh Đình T,

Triệu Hữu Đ, Đinh Văn H, Nguyễn Hồng Phương L, Bùi Văn T, Ngô Văn T, Trương Văn T, Lê Văn M, Lê Văn Đ, Huỳnh Văn T, Nguyễn Đình T và Nguyễn Ngọc T: Trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn đã cung cấp các phiếu lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 của Công ty phát hành cho người lao động, mặc dù các phiếu lương này là bản phô tô, không có chữ ký của đại diện Công ty, không có mộc dấu của Công ty. Tuy nhiên đối chiếu với bản chính Bảng chuyển lương ngân hàng cho nhân viên Việt Nam tháng 9/2016 do bộ phận kế toán Công ty lập và có chữ ký của ông K thì có cơ sở xác định lương tháng 9/2016 mà các nguyên đơn yêu cầu Công ty thép Q thanh toán là trùng khớp với nhau. Đối với lương tháng 10/2016 mặc dù Tòa án không thu thập được bản chính Bảng chuyển lương ngân hàng cho nhân viên Việt Nam tháng 10/2016 nhưng căn cứ vào các phiếu lương mà nguyên đơn cung cấp cũng như qua xác nhận của 19 người lao động, bộ phận kế toán của Công ty thì vào cuối mỗi tháng toàn bộ nhân viên và người lao động của Công ty đều nhận được phiếu lương do phòng nhân sự cung cấp để thông báo cụ thể ngày công, tiền lương, tiền làm thêm giờ, các khoản phụ cấp và số tiền cụ thể trích đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động của Công ty, các phiếu lương từ trước đến nay người lao động được nhận đều là bản phô tô, không có chữ ký, không có mộc dấu của Công ty nhưng các phiếu lương này đều được người lao động thừa nhận với nhau phù hợp với sự xác nhận của bộ phận kế toán Công ty, nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn về tiền lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016.

Đối với ông Nguyễn Mỹ B không cung cấp được phiếu lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 cho Tòa án, nhưng theo hồ sơ thể hiện mức lương cơ bản theo hợp đồng lao động ký kết giữa ông và Công ty thép Q là 3.500.000 đồng, tuy nhiên căn cứ vào Bảng chuyển lương ngân hàng cho nhân viên Việt Nam tháng 9/2016 của Công ty thép Q xác định lương tháng 9/2016 mà ông B được nhận là 3.047.100 đồng nên chỉ có thể chấp nhận mức lương tháng 9/2016 của ông B là 3.047.100 đồng, còn lương tháng 10/2016 được xem xét theo mức lương cơ bản ký kết trong hợp đồng giữa ông và Công ty thép Q sau khi trừ đi 8% số tiền bảo hiểm xã hội, 1,5% bảo hiểm y tế, 1% bảo hiểm thất nghiệp mà ông B phải nộp trên mức lương cơ bản.

Đối với ông Lê Ngọc V yêu cầu thanh toán lương tháng 9/2016 với mức lương cơ bản theo phụ lục hợp đồng ký kết ngày 21/8/2016 là 16.000.000 đồng, tuy nhiên căn cứ vào Bảng chuyển lương ngân hàng cho nhân viên Việt Nam tháng 9/2016 của Công ty thép Q xác định lương tháng 9/2016 mà ông V được nhận là 11.023.000 đồng, vì vậy chỉ có thể chấp nhận mức lương tháng 9/2016 cho ông V là 11.023.000 đồng. Đối với yêu cầu thanh toán 10 ngày lương tháng 10/2016 thì tại phiên tòa ông V xin rút yêu cầu này, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông là hoàn toàn tự nguyện, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu thanh toán tiền lương tháng 10/2016 của ông V.

Đối với các ông Ngô Thanh T không cung cấp được các phiếu lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 cho Tòa án, vì vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về thanh toán tiền lương mà chỉ có thể xem

xét theo mức lương cơ bản là 7.200.000 đồng/ tháng được ký kết theo phụ lục hợp đồng số Q00052 – 2016/PLHĐLĐ ngày 18/5/2016 giữa ông và Công ty thép Q sau khi trừ đi 8% số tiền bảo hiểm xã hội, 1,5% bảo hiểm y tế, 1% bảo hiểm thất nghiệp mà ông T phải nộp trên mức lương cơ bản.

Từ những nhận định trên và căn cứ vào Điều 37, Điều 90, Điều 96 Bộ luật lao động, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình H, ông Trần Văn H, ông Nguyễn Đình M, ông Trịnh Đình T, ông Triệu Hữu Đ, ông Đinh Văn H, bà Nguyễn Hồng Phương L, ông Bùi Văn T, ông Ngô Văn T, ông Trương Văn T, ông Lê Văn M, ông Lê Văn Đ, ông Huỳnh Văn T, ông Nguyễn Đình T và ông Nguyễn Ngọc T về việc yêu cầu thanh toán tiền lương. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Thanh T, ông Nguyễn Mỹ B và ông Lê Ngọc V về thanh toán tiền lương. Buộc Công ty thép Q phải thanh toán tiền lương cho các nguyên đơn cụ thể như sau:

Ông Trần Đình H: Lương tháng 9/2016 là 14.652.100 đồng + lương tháng 10/2016 là 9.621.800 đồng = 24.273.900 đồng.

Ông Trần Văn H: Lương tháng 9/2016 là 7.422.300 đồng + lương tháng 10/2016 là 7.057.300 đồng = 14.479.600 đồng.

Ông Nguyễn Đình M: Lương tháng 9/2016 là 5.225.200 đồng + lương tháng 10/2016 là 5.739.700 đồng = 10.964.900 đồng.

Ông Ngô Thanh T: Lương tháng 9/2016 là 8.959.700 đồng + lương tháng 10/2016 là 6.444.000 đồng = 15.403.700 đồng.

Ông Đỗ Ngọc M: Lương tháng 9/2016 là 5.596.800 đồng + lương tháng 10/2016 là 6.408.100 = 12.004.900 đồng.

Ông Trịnh Đình T: Lương tháng 9/2016 là 7.583.200 đồng + lương tháng 10/2016 là 5.748.400 đồng = 13.331.600 đồng.

Ông Triệu Hữu Đ: Lương tháng 9/2016 là 8.951.000 đồng + lương tháng 10/2016 là 9.216.600 đồng = 18.167.600 đồng.

Ông Đinh Văn H: Lương tháng 9/2016 là 6.153.100 đồng + lương tháng 10/2016 là 5.504.400 đồng = 11.657.500 đồng.

Bà Nguyễn Hồng Phương L: 30% lương tháng 8/2016 là 1.871.250 đồng + lương tháng 9/2016 là 6.207.500 đồng + lương tháng 10/2016 là 6.695.000 đồng = 14.773.750 đồng.

Ông Bùi Văn T: Lương tháng 9/2016 là 6.080.200 đồng + lương tháng 10/2016 là 6.701.900 đồng = 12.782.100 đồng.

Ông Ngô Văn Thám: Lương tháng 9/2016 là 6.254.600 đồng + lương tháng 10/2016 là 7.038.800 đồng = 13.293.400 đồng.

Ông Nguyễn Mỹ B: lương tháng 9/2016 là 3.047.100 đồng + lương tháng 10/2016 là 3.132.500 đồng = 6.179.600 đồng.

Ông Trương Văn T: Lương tháng 9/2016 là 5.522.200 đồng + lương tháng 10/2016 là 6.083.000 đồng = 11.605.200 đồng.

Ông Lê Ngọc V: 30% lương tháng 8/2016 là 3.330.900 đồng + lương tháng 9/2016 là 11.023.000 đồng = 14.353.900 đồng.

Ông Lê Văn M: Lương tháng 9/2016 là 5.231.600 đồng + lương tháng 10/2016 là 6.196.800 đồng = 11.428.400 đồng.

Ông Lê Văn Đ: Lương tháng 9/2016 là 5.973.900 đồng + lương tháng 10/2016 là 6.112.900 đồng = 12.086.800 đồng.

Ông Huỳnh Văn T: Lương tháng 9/2016 là 5.782.600 đồng + lương tháng 10/2016 là 5.748.400 đồng = 11.531.000 đồng.

Ông Nguyễn Đình T: Lương tháng 9/2016 là 11.176.400 đồng + lương tháng 10/2016 là 11.039.200 đồng = 22.215.600 đồng.

Ông Nguyễn Ngọc T: 30% lương tháng 8/2016 là 5.473.500 đồng + lương tháng 9/2016 là 17.454.300 đồng + lương tháng 10/2016 là 15.818.100 đồng = 38.745.900 đồng.

Xét yêu cầu về đóng và chốt sổ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của các nguyên đơn thì thấy:

Theo các chứng cứ của Bảo hiểm xã hội tỉnh B cung cấp và xác nhận của người lao động thì hiện nay Công ty thép Q còn nợ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của người lao động từ tháng 01/2014 đến ngày 31/10/2016. Tuy nhiên ngày 29/5/2015 Tòa án nhân dân huyện Tân Thành đã ban hành quyết định số 18/2015/QĐST – LĐ với nội dung Công ty cổ phần thép Q có nghĩa vụ nộp cho Bảo hiểm xã hội tỉnh số tiền 8.150.610.189 đồng, được chốt đến ngày 30/4/2015 trong đó có 19 nguyên đơn trong vụ án này. Hiện nay Công ty cổ phần thép Q tiếp tục phát sinh nợ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tính từ ngày 01/5/2015 đến ngày 31/10/2016 của 19 nguyên đơn với tổng số tiền là 518.570.197 đồng, tiền lãi phát sinh là 136.664.286 đồng.

Cụ thể số tiền Công ty cổ phần thép Q nợ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với 19 nguyên đơn trên như sau:

ST T	Số BHXH	Họ và tên	Từ tháng	Đến tháng	Mức lương	Tổng nợ BHXH, BHYT, BHTN	Trong đó			Lãi phát sinh do chậm nộp tính đến 31/10/2016	Tổng số nợ
							BHXH	BHYT	BHTN		
<b>1</b>	<b>0202127821</b>	<b>Đình Văn H</b>	05/2015	07/2015	3,700,000	2,735,907	2,079,301	443,558	213,048	721,022	
			08/2015	07/2016	4,000,000	11,830,949	8,991,570	1,918,091	921,288	3,117,935	
			08/2016	10/2016	4,400,000	3,253,511	2,472,682	527,475	253,354	857,432	
						<b>17,820,366</b>	<b>13,543,552</b>	<b>2,889,124</b>	<b>1,387,690</b>	<b>4,696,390</b>	<b>22,516,756</b>
<b>2</b>	<b>4797097474</b>	<b>Trần Đình H</b>	05/2015	05/2015	6,200,000	1,528,164	1,161,411	247,753	119,000	402,733	
			06/2015	05/2016	6,700,000	19,816,839	15,060,879	3,212,802	1,543,158	5,222,541	
			06/2016	10/2016	7,500,000	9,242,929	7,024,664	1,498,508	719,756	2,435,887	
						<b>30,587,932</b>	<b>23,246,954</b>	<b>4,959,064</b>	<b>2,381,914</b>	<b>8,061,161</b>	<b>38,649,093</b>
<b>3</b>	<b>5103004673</b>	<b>Nguyễn Đình M</b>	05/2015	12/2015	2,900,000	5,718,292	4,345,925	927,077	445,289	1,507,002	
			01/2016	08/2016	3,200,000	6,309,839	4,795,504	1,022,982	491,354	1,662,899	
			09/2016	10/2016	3,600,000	1,774,642	1,348,735	287,714	138,193	467,690	
						<b>13,802,773</b>	<b>10,490,165</b>	<b>2,237,772</b>	<b>1,074,836</b>	<b>3,637,591</b>	<b>17,440,364</b>
<b>4</b>	<b>5107005790</b>	<b>Trần Văn H</b>	05/2015	04/2016	5,200,000	15,380,233	11,689,041	2,493,518	1,197,675	4,053,315	
			05/2016	10/2016	6,000,000	8,873,211	6,743,677	1,438,568	690,966	2,338,451	
						<b>24,253,445</b>	<b>18,432,718</b>	<b>3,932,086</b>	<b>1,888,641</b>	<b>6,391,767</b>	<b>30,645,211</b>
<b>5</b>	<b>5199000171</b>	<b>Huỳnh Văn T</b>	05/2015	05/2015	4,100,000	1,010,560	768,030	163,837	78,693	266,324	
			06/2015	05/2016	4,300,000	12,718,270	9,665,937	2,061,947	990,385	3,351,780	

			06/2016	10/2016	4,700,000	5,792,235	4,402,123	939,065	451,047	1,526,489	
						<b>19,521,065</b>	<b>14,836,090</b>	<b>3,164,850</b>	<b>1,520,126</b>	<b>5,144,593</b>	<b>24,665,658</b>
6	7709016081	Ngô Thanh T	05/2015	05/2015	5,400,000	1,330,982	1,011,552	215,785	103,645	350,768	
			06/2015	05/2016	6,200,000	18,337,970	13,936,933	2,973,040	1,427,997	4,832,799	
			06/2016	10/2016	7,200,000	8,873,211	6,743,677	1,438,568	690,966	2,338,451	
						<b>28,542,164</b>	<b>21,692,162</b>	<b>4,627,394</b>	<b>2,222,608</b>	<b>7,522,018</b>	<b>36,064,182</b>
7	7710010965	Đỗ Ngọc M	05/2015	02/2016	3,850,000	9,489,407	7,211,988	1,538,469	738,950	2,500,844	
			03/2016	10/2016	4,200,000	8,281,664	6,294,099	1,342,663	644,902	2,182,554	
						<b>17,771,071</b>	<b>13,506,087</b>	<b>2,881,132</b>	<b>1,383,852</b>	<b>4,683,398</b>	<b>22,454,469</b>
8	7710011345	Lê Ngọc Vi	05/2015	11/2015	10,500,000	18,116,140	13,768,341	2,937,076	1,410,723	4,774,338	
			12/2015	10/2016	12,000,000	32,535,109	24,726,817	5,274,749	2,533,543	8,574,321	
						<b>50,651,249</b>	<b>38,495,158</b>	<b>8,211,826</b>	<b>3,944,265</b>	<b>13,348,659</b>	<b>63,999,908</b>
9	7710037795	Nguyễn Đình T	05/2015	12/2015	8,000,000	15,774,598	11,988,760	2,557,454	1,228,384	4,157,247	
			01/2016	10/2016	9,000,000	22,183,029	16,859,193	3,596,420	1,727,415	5,846,128	
						<b>37,957,627</b>	<b>28,847,953</b>	<b>6,153,874</b>	<b>2,955,800</b>	<b>10,003,375</b>	<b>47,961,002</b>
10	7711027460	Lê Văn M	05/2015	08/2015	4,100,000	4,042,241	3,072,120	655,348	314,773	1,065,294	
			09/2015	08/2016	5,600,000	16,563,328	12,588,198	2,685,327	1,289,804	4,365,109	
			09/2016	10/2016	6,160,000	3,036,610	2,307,836	492,310	236,464	800,270	
						<b>23,642,179</b>	<b>17,968,154</b>	<b>3,832,984</b>	<b>1,841,041</b>	<b>6,230,673</b>	<b>29,872,852</b>
11	7711030286	Ngô Văn T	05/2015	11/2015	3,800,000	6,556,317	4,982,828	1,062,942	510,547	1,727,856	
			12/2015	10/2016	4,000,000	10,845,036	8,242,272	1,758,250	844,514	2,858,107	
						<b>17,401,354</b>	<b>13,225,101</b>	<b>2,821,192</b>	<b>1,355,061</b>	<b>4,585,963</b>	<b>21,987,316</b>
12	7712009399	Bùi Văn T	04/2016	10/2016	4,500,000	7,764,060	5,900,718	1,258,747	604,595	2,046,145	
			05/2015	03/2016	4,000,000	10,845,036	8,242,272	1,758,250	844,514	2,858,107	
						<b>18,609,096</b>	<b>14,142,990</b>	<b>3,016,997</b>	<b>1,449,110</b>	<b>4,904,252</b>	<b>23,513,348</b>
13	7712017123	Lê Văn Đ	05/2015	03/2016	4,700,000	12,742,918	9,684,670	2,065,943	992,304	3,358,276	
			04/2016	10/2016	5,500,000	9,489,407	7,211,988	1,538,469	738,950	2,500,844	
						<b>22,232,324</b>	<b>16,896,658</b>	<b>3,604,412</b>	<b>1,731,254</b>	<b>5,859,119</b>	<b>28,091,444</b>
14	7713004434	Trương Văn T	05/2015	09/2015	3,700,000	4,559,845	3,465,501	739,264	355,080	1,201,704	
			10/2015	10/2016	4,000,000	12,816,861	9,740,867	2,077,932	998,062	3,377,763	
						<b>17,376,706</b>	<b>13,206,368</b>	<b>2,817,196</b>	<b>1,353,142</b>	<b>4,579,467</b>	<b>21,956,173</b>
15	7714012042	Nguyễn Mỹ B	05/2015	09/2015	3,000,000	3,697,171	2,809,866	599,403	287,903	974,355	
			10/2015	10/2016	3,200,000	10,253,489	7,792,694	1,662,345	798,450	2,702,210	
						<b>13,950,660</b>	<b>10,602,559</b>	<b>2,261,749</b>	<b>1,086,352</b>	<b>3,676,565</b>	<b>17,627,225</b>
16	7715006735	Trịnh Đình T	05/2015	04/2016	4,400,000	13,014,044	9,890,727	2,109,900	1,013,417	3,429,728	
			05/2016	10/2016	4,900,000	7,246,456	5,507,336	1,174,831	564,289	1,909,735	
						<b>20,260,500</b>	<b>15,398,063</b>	<b>3,284,730</b>	<b>1,577,706</b>	<b>5,339,464</b>	<b>25,599,963</b>
17	4705086883	Nguyễn Ngọc T	05/2015	10/2016	20,000,000	88,732,115	67,436,773	14,385,680	6,909,662	23,384,512	<b>112,116,627</b>
18	7710010400	Triệu Hữu Đ	05/2015	10/2016	6,000,000	26,619,634	20,231,032	4,315,704	2,072,899	7,015,354	<b>33,634,988</b>
19	7710010984	Nguyễn Hồng Phương L	05/2015	10/2016	6,500,000	28,837,937	21,916,951	4,675,346	2,245,640	7,599,966	<b>36,437,904</b>
<b>Tổng cộng:</b>						<b>518,570,197</b>	<b>394,115,488</b>	<b>84,073,109</b>	<b>40,381,600</b>	<b>136,664,286</b>	<b>655,234,484</b>

Căn cứ theo quy định của pháp luật và hợp đồng lao động đã ký kết giữa người lao động và người sử dụng lao động thì hàng tháng Công ty thép Q đã thu quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của 19 người lao động nhưng không nộp cho Bảo hiểm xã hội tỉnh B. Như vậy, Công ty thép Q đã vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng về trách nhiệm nộp bảo hiểm xã hội cho người lao động và vi phạm Điều 17, Điều 18, Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

Để bảo đảm quyền lợi hợp pháp của các nguyên đơn cũng như quyền lợi của Cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh B, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn đối với Công ty cổ phần thép Q về việc buộc Công ty cổ phần thép Q phải đóng và chốt sổ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho các nguyên đơn từ ngày 01/5/2015 đến ngày 31/10/2016 theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội.

**[3] Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc Công ty thép Q phải nộp án phí lao động sơ thẩm về tranh chấp tiền lương với số tiền 289.279.350 đồng x 3% = 8.678.000đ (Tám triệu, sáu trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Công ty thép Q phải nộp án phí lao động sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu về đóng và chốt sổ bảo hiểm xã hội của các nguyên đơn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 227, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 36, Điều 37, Điều 90 Bộ luật lao động; Điều 18, Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông (bà) Trần Đình H, Trần Văn H, Nguyễn Đình M, Đỗ Ngọc M, Trịnh Đình T, Triệu Hữu Đ, Đinh Văn H, Nguyễn Hồng Phương L, Bùi Văn T, Ngô Văn T, Trương Văn T, Lê Văn M, Lê Văn Đ, Huỳnh Văn T, Nguyễn Đình T và Nguyễn Ngọc T về “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và về tiền lương, bảo hiểm xã hội” đối với Công ty cổ phần thép Q.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các ông Ngô Thanh T, Nguyễn Mỹ B, Lê Ngọc V về “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và về tiền lương, bảo hiểm xã hội” đối với Công ty cổ phần thép Q.

- Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số Q00201– 2012 ngày 24/6/2012 được ký kết giữa ông Trần Đình H với Công ty cổ phần thép Q. Buộc Công ty cổ phần thép Q phải thanh toán cho ông Trần Đình H tiền lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 là 24.273.900đ (Hai mươi bốn triệu, hai trăm bảy mươi ba nghìn, chín trăm đồng).

- Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số Q00247 – 2012 ngày 08/8/2012 được ký kết giữa ông Trần Văn H với Công ty cổ phần thép Q. Buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán cho ông Trần Văn H tiền lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 là 14.479.600đ (Mười bốn triệu, bốn trăm bảy mươi chín nghìn, sáu trăm đồng).

- Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số Q001520 – 2016 ngày 01/01/2016 được ký kết giữa ông Nguyễn Đình M với Công ty cổ phần thép Q. Buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán cho ông Nguyễn Đình M tiền lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 là 10.964.900đ (Mười triệu, chín trăm sáu mươi bốn nghìn, chín trăm đồng).

- Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số 000340109 ngày 23/8/2009 được ký kết giữa ông Ngô Thanh T với Công ty cổ phần thép Q. Buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán cho ông Ngô Thanh T tiền lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 là 15.403.700đ. (Mười lăm triệu, bốn trăm lẻ ba nghìn, bảy trăm đồng).

- Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số Q00221 - 2013 ngày 25/02/2013 được ký kết giữa ông Đỗ Ngọc M với Công ty cổ phần thép Q. Buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán cho ông Đỗ Ngọc M tiền lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 là 12.004.900đ (Mười hai triệu, không trăm lẻ bốn nghìn, chín trăm đồng).

- Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số Q01558 - 2016 ngày 01/5/2016 được ký kết giữa ông Trịnh Đình T với Công ty cổ phần thép Q. Buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán cho ông Trịnh Đình T tiền lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 là 13.331.600đ (Mười ba triệu, ba trăm ba mươi một nghìn, sáu trăm đồng).

- Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số 003072010 ngày 01/7/2010 được ký kết giữa ông Triệu Hữu Đ với Công ty cổ phần thép Q. Buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán cho ông Triệu Hữu Đ tiền lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 là 18.167.600đ (Mười tám triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn, sáu trăm đồng).

- Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số Q00089 - 2016 ngày 14/8/2016 được ký kết giữa ông Đinh Văn H với Công ty cổ phần thép Q. Buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán cho ông Đinh Văn H tiền lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 là 11.657.500đ (Mười một triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm đồng).

- Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số Q00212 - 2016 ngày 01/01/2016 được ký kết giữa bà Nguyễn Hồng Phương L với Công ty cổ phần thép Q. Buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán cho bà Nguyễn Hồng Phương L 30% tiền lương tháng 8/2016, lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 là 14.773.750đ (Mười bốn triệu, bảy trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

- Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số Q01208 - 2015 ngày 14/4/2015 được ký kết giữa ông Bùi Văn T với Công ty cổ phần thép Q. Buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán cho ông Bùi Văn T tiền lương tháng 9/2016 và tháng

10/2016 là 12.782.100đ (Mười hai triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn, một trăm đồng).

- Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số Q01089 - 2014 ngày 27/11/2014 được ký kết giữa ông Ngô Văn T với Công ty cổ phần thép Q. Buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán cho ông Ngô Văn T tiền lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 là 13.293.400đ (Mười ba triệu, hai trăm chín mươi ba nghìn, bốn trăm đồng).

- Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số Q01466 - 2016 ngày 18/9/2016 được ký kết giữa ông Nguyễn Mỹ B với Công ty cổ phần thép Q. Buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán cho ông Nguyễn Mỹ B tiền lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 là 6.179.600đ (Sáu triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn, sáu trăm đồng).

- Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số Q01187 - 2015 ngày 05/4/2015 được ký kết giữa ông Trương Văn T với Công ty cổ phần thép Q. Buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán cho ông Trương Văn T tiền lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 là 11.605.200đ (Mười một triệu, sáu trăm lẻ năm nghìn, hai trăm đồng).

- Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số Q00272 - 2013 ngày 05/10/2012 được ký kết giữa ông Lê Ngọc V với Công ty cổ phần thép Q. Buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán cho ông Lê Ngọc V 30% tiền lương tháng 8/2016, lương tháng 9/2016 là 14.353.900 (Mười bốn triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn, chín trăm đồng).

- Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số Q00739 - 2015 ngày 02/3/2015 được ký kết giữa ông Lê Văn M với Công ty cổ phần thép Q. Buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán cho ông Lê Văn M tiền lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 là 11.428.400đ (Mười một triệu, bốn trăm hai mươi tám nghìn, bốn trăm đồng).

- Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số Q00305 - 2012 ngày 27/9/2012 được ký kết giữa ông Lê Văn Đ với Công ty cổ phần thép Q. Buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán cho ông Lê Văn Đ tiền lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 là 12.086.800đ (Mười hai triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn, tám trăm đồng).

- Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số Q00160 - 2012 ngày 11/11/2012 được ký kết giữa ông Huỳnh Văn T với Công ty cổ phần thép Q. Buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán cho ông Huỳnh Văn T tiền lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 là 11.531.000đ (Mười một triệu, năm trăm ba mươi một nghìn đồng).

- Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số Q00158 - 2012 ngày 31/5/2102 được ký kết giữa ông Nguyễn Đình T với Công ty cổ phần thép Q. Buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán cho ông Nguyễn Đình T tiền lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 là 22.215.600đ (Hai mươi hai triệu, hai trăm mười lăm nghìn, sáu trăm đồng).

- Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số Q01513 - 2015 ngày 15/12/2015 được ký kết giữa ông Nguyễn Ngọc T với Công ty cổ phần thép Q. Buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán cho ông Nguyễn Ngọc T 30% tiền

lương tháng 8/2016, lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 là 38.745.900đ (Ba mươi tám triệu, bảy trăm bốn mươi lăm nghìn, chín trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi suất của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc V đối với Công ty cổ phần thép Q về tranh chấp tiền lương tháng 10/2016.

3. Buộc Công ty cổ phần thép Q phải đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho các ông (bà) Trần Đình H, ông Trần Văn H, ông Nguyễn Đình M, ông Ngô Thanh T, ông Đỗ Ngọc M, ông Trịnh Đình T, ông Triệu Hữu Đ, ông Đinh Văn H, bà Nguyễn Hồng Phương L, ông Bùi Văn T, ông Ngô Văn T, ông Nguyễn Mỹ B, ông Trương Văn T, ông Lê Ngọc V, ông Lê Văn M, ông Lê Văn Đ, ông Huỳnh Văn T, ông Nguyễn Đình T và ông Nguyễn Ngọc T từ ngày 01/5/2015 đến ngày 31/10/2016;

4. Buộc Công ty cổ phần thép Quatron phải chốt sổ bảo hiểm xã hội và trả sổ bảo hiểm xã hội cho các ông (bà) Trần Đình H, ông Trần Văn H, ông Nguyễn Đình M, ông Ngô Thanh T, ông Đỗ Ngọc M, ông Trịnh Đình T, ông Triệu Hữu Đ, ông Đinh Văn H, bà Nguyễn Hồng Phương L, ông Bùi Văn T, ông Ngô Văn T, ông Nguyễn Mỹ B, ông Trương Văn T, ông Lê Ngọc V, ông Lê Văn M, ông Lê Văn Đ, ông Huỳnh Văn T, ông Nguyễn Đình T và ông Nguyễn Ngọc T.

5. Về án phí lao động sơ thẩm: Buộc Công ty cổ phần thép Q phải nộp 8.978.000đ (Tám triệu, chín trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND huyện Tân Thành;
- Chi cục THADS huyện Tân Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Phạm Xuân Hưng**

